TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2017
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 50/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1969.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Chị D có mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên chị và anh C đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 1989, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Sau khi cưới, vợ chồng sống bên chồng được 03 năm, thì cất nhà ở riêng tại Ấp 6, xã A. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, anh C không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên nhũ, nhưng anh C không sửa đổi, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị và anh C đã ly thân hơn 01 năm. Hiện nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về nuôi con chung: Chị và anh C có ba con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; Nguyễn Công M, sinh năm 1997. Hiện nay đã trưởng thành, nên muốn sống với ai do các cháu tự quyết định, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, còn nợ chung thì không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C không đến Tòa án, cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến của mình, cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho anh. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Chị D vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không bổ sung gì thêm, anh C vắng mặt mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của Chị D:

Chị D và anh C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Long An vào năm 2000. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu của Chị D, cũng như không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ để bảo vệ cho quyền lợi của anh. Do đó, Hội đồng xé xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như các chứng cứ mà Chị D cung cấp để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của Chị D thì nguyên nhân mâu thuẫn, là do anh C không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhũ, nhưng anh C không thay đổi. Tại phiên tòa, Chị D trình bày vợ chồng

đã sống ly thân hơn một năm nay, chị đã cho anh C nhiều cơ hội, nhưng anh C vẫn không thay đổi, không có thiện chí hàn gắn, anh vẫn nhậu nhẹt thường xuyên, không có công việc làm ổn định, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, hiện nay tình cảm của chị đối với anh C đã không còn. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa Chị D và anh C có ba con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; Nguyễn Công M, sinh năm 1997. Hiện nay đã trưởng thành, các cháu muốn sống với ai tự cháu quyết định, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử sẽ không xem xét.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: Do anh C không cung cấp cho Tòa án ý kiến của mình, do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ theo lời trình bày của Chị D để giải quyết, theo Chị D trình bày thì vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét. Nếu sau này, anh C có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung có thể khởi kiện thành vụ án khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định định tại Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân dân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Chị D đã nộp theo biên lai thu số 0005028 ngày 22/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị D đã nộp xong.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Bến Lức.
-THA huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-UBND xã A;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hiền